



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh doanh 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 25 tháng 6 năm 2012.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
	Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
	Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Lê Minh Hồng	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2012)
	Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2012)
	Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 3 năm 2012)
	Bà Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2012)

Ban Kiểm soát	Ông Trần Quốc Hưng	Trưởng ban (từ ngày 26 tháng 4 năm 2012)
	Bà Trần Thị Ánh Như	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2012)
	Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2012)
	Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2012)

Trụ sở đăng ký 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày từ trang 4 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2012



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán trước hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”), như trình bày từ trang 4 đến trang 46, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2012. Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo soát xét số: 12-01-219



Chàng Hưng Chừn
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100=110 + 130 + 140 + 150)	100		1.525.087.366.736	1.313.661.016.517
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	459.512.281.580	367.470.471.515
Tiền	111		115.638.115.837	253.806.115.800
Các khoản tương đương tiền	112		343.874.165.743	113.664.355.715
Các khoản phải thu	130	5	493.120.037.197	455.594.547.921
Phải thu thương mại	131		357.257.618.011	320.045.947.907
Trả trước cho người bán	132		83.090.242.627	78.175.999.715
Các khoản phải thu khác	135		54.335.420.634	58.935.844.374
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.563.244.075)	(1.563.244.075)
Hàng tồn kho	140	6	561.255.188.262	474.744.126.949
Hàng tồn kho	141		567.155.526.509	479.219.007.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.900.338.247)	(4.474.880.662)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.199.859.697	15.851.870.132
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.375.629.692	898.817.101
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		876.450.103	4.296.209.672
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		1.182.719.669	4.094.359.356
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.765.060.233	6.562.484.003

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		571.541.457.306	527.395.562.662
Tài sản cố định	220		456.190.078.782	430.525.318.827
Tài sản cố định hữu hình	221	7	270.153.788.655	229.545.041.047
<i>Nguyên giá</i>	222		464.311.348.782	402.612.259.283
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(194.157.560.127)	(173.067.218.236)
Tài sản cố định vô hình	227	8	164.788.749.797	156.164.943.736
<i>Nguyên giá</i>	228		171.683.009.488	162.000.725.488
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.894.259.691)	(5.835.781.752)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	21.247.540.330	44.815.334.044
Bất động sản đầu tư	240	10	6.212.080.102	5.816.300.361
<i>Nguyên giá</i>	241		9.190.189.929	7.790.891.262
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2.978.109.827)	(1.974.590.901)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	84.254.493.295	65.224.618.750
Đầu tư vào công ty con	251		69.649.874.545	50.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		23.787.450.000	23.787.450.000
Đầu tư dài hạn khác	258		11.831.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(21.013.881.450)	(21.013.881.450)
Tài sản dài hạn khác	260		24.884.805.127	25.829.324.724
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	19.818.763.782	20.398.249.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29	3.300.000.000	3.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	268		1.766.041.345	2.131.075.204
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.096.628.824.042	1.841.056.579.179

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		609.908.894.488	533.556.734.235
Nợ ngắn hạn	310		553.814.501.392	475.686.495.838
Vay ngắn hạn	311	13	16.310.749.238	21.115.601.324
Phải trả thương mại	312	14	126.681.713.522	131.796.776.369
Người mua trả tiền trước	313		682.368.761	589.540.651
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	23.719.194.185	15.214.638.784
Phải trả người lao động	315		95.784.996.491	102.490.566.716
Chi phí phải trả	316	16	125.295.837.036	151.717.148.092
Các khoản phải trả khác	319	17	99.548.241.485	15.448.696.524
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	65.791.400.674	37.313.527.378
Nợ dài hạn	330		56.094.393.096	57.870.238.397
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	32.841.763.532	33.464.925.600
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	20	23.252.629.564	24.405.312.797
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.486.719.929.554	1.307.499.844.944
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.486.719.929.554	1.307.499.844.944
Vốn cổ phần	411	22	653.764.290.000	651.764.290.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		483.619.881.808	281.459.992.012
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.026.578.871	66.026.578.871
Lợi nhuận chưa phân phối	420		283.765.028.875	308.704.834.061
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.096.628.824.042	1.841.056.579.179

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
Ngoại tệ trong tiền:			
USD		276.006	271.766
EUR		195.414	182.918
MOP		20	20
CNY		3.515	3.515
CAD		100	100
JPY		-	22.000
BTH		-	31.592

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.201.582.048.298	1.105.600.633.246
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	(4.596.678.404)	(6.100.427.161)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		1.196.985.369.894	1.099.500.206.085
Giá vốn hàng bán	11	24	(686.247.417.255)	(611.527.303.136)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		510.737.952.639	487.972.902.949
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	80.766.396.822	58.348.963.895
Chi phí tài chính	22	26	(2.816.388.445)	(3.043.978.745)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>(1.626.605.104)</i>	<i>(887.149.880)</i>
Chi phí bán hàng	24		(202.062.746.284)	(244.877.205.699)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(73.564.527.969)	(58.997.815.355)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		313.060.686.763	239.402.867.045
Thu nhập khác	31	27	4.578.425.394	2.795.801.399
Chi phí khác	32	28	(2.574.717.707)	(2.623.666.966)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		2.003.707.687	172.134.433
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		315.064.394.450	239.575.001.478
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	29	(31.299.365.575)	(24.493.889.596)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần (60 = 50 + 51 + 52)	60		283.765.028.875	215.081.111.882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.352	3.307

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a - DN

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	315.064.394.450	239.575.001.478
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	27.074.217.128	21.020.288.588
Các khoản dự phòng	03	1.425.457.585	(1.164.781.062)
Lãi thanh lý tài sản cố định	04	(612.942.437)	(256.608.997)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(79.685.950.163)	(49.900.578.411)
Chi phí lãi vay	06	1.626.605.104	887.149.880
Lãi thanh lý khoản đầu tư	07	(20.000.000)	(6.053.088.865)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	264.871.781.667	204.107.382.611
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(20.220.469.205)	15.956.673.086
Biến động hàng tồn kho	10	(87.936.518.898)	(161.116.244.522)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(32.447.564.732)	77.990.660.857
Biến động chi phí trả trước	12	(1.476.812.591)	(1.873.784.757)
		122.790.416.241	135.064.687.275
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.560.096.920)	(965.125.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.257.201.790)	(27.677.804.468)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.053.455.202)	(15.283.324.674)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	100.919.662.329	91.138.433.105

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(58.577.788.709)	(148.958.840.856)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23		2.086.251.007	990.863.634
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24		-	(188.537.465)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	25		1.269.867.671	5.757.070.522
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	26		(19.099.874.545)	-
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	27		90.000.000	10.725.199.734
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28		68.158.544.398	23.419.163.393
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(6.073.000.178)	(108.255.081.038)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.000.000.000	2.500.000.000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		15.236.403.938	14.679.154.864
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.041.256.024)	(11.287.386.526)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40		(2.804.852.086)	5.891.768.338
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		92.041.810.065	(11.224.879.595)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		367.470.471.515	577.662.484.017
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	459.512.281.580	566.437.604.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	2.774.800.266

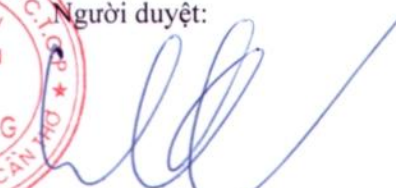
Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 2.190 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.076 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính này. Báo cáo tài chính hợp nhất được Công ty lập và phát hành cùng với báo cáo tài chính này.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa	3 – 18 năm
• máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
• phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
• thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 41 năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá của tài sản có liên quan.

(t) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	19.728.970.031	39.616.249.203
Tiền gửi ngân hàng	92.274.868.110	210.488.738.232
Tiền đang chuyển	3.634.277.696	3.701.128.365
Các khoản tương đương tiền	343.874.165.743	113.664.355.715
	<hr/>	<hr/>
	459.512.281.580	367.470.471.515
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có số ngoại tệ tương đương 10.956 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10.810 triệu VND).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu từ các công ty con	119.429.008.147	111.851.774.089
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	356.765.200
Phải thu từ các bên thứ ba	237.471.844.664	207.837.408.618
	<hr/>	<hr/>
	357.257.618.011	320.045.947.907
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	37.312.968.418	43.434.893.278
Thu nhập tiền lãi phải thu	5.663.888.889	-
Các khoản cho vay (*)	847.000.000	2.116.867.671
Cổ tức phải thu	5.863.516.876	-
Phải thu từ công nhân viên	1.371.427.244	10.865.879.179
Phải thu khác	3.276.619.207	2.518.204.246
	<hr/>	<hr/>
	54.335.420.634	58.935.844.374

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và được hưởng lãi suất năm từ 14% (2011: 10,5% đến 14%) trong kỳ.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	1.563.244.075	4.587.387.069
Hoàn nhập	-	(2.673.693.613)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.563.244.075	1.913.693.456

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****6. Hàng tồn kho**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	100.494.723.411	84.006.950.234
Nguyên vật liệu	175.113.092.629	173.962.372.778
Sản phẩm dở dang	37.144.119.686	36.179.562.499
Thành phẩm	252.828.500.409	182.653.728.641
Hàng hóa	1.575.090.374	1.318.932.032
Hàng gửi đi bán	-	1.097.461.427
	<hr/>	<hr/>
	567.155.526.509	479.219.007.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.900.338.247)	(4.474.880.662)
	<hr/>	<hr/>
	561.255.188.262	474.744.126.949

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	4.474.880.662	2.965.968.111
Tăng dự phòng trong kỳ	1.425.457.585	1.508.912.551
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.900.338.247	4.474.880.662

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	117.485.487.414	159.529.732.168	73.318.740.567	52.278.299.134	402.612.259.283
Tăng trong kỳ	3.774.347.110	10.662.819.198	248.685.000	5.639.536.527	20.325.387.835
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.441.918.864	16.740.808.241	13.021.295.571	19.645.000	47.223.667.676
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.399.298.667)	-	-	-	(1.399.298.667)
Thanh lý	-	-	(3.615.908.689)	-	(3.615.908.689)
Xóa sổ	(600.000.000)	(9.000.000)	-	(225.758.656)	(834.758.656)
Số dư cuối kỳ	136.702.454.721	186.924.359.607	82.972.812.449	57.711.722.005	464.311.348.782
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	27.292.731.016	86.668.197.259	29.284.684.789	29.821.605.172	173.067.218.236
Khấu hao trong kỳ	4.980.012.288	10.418.496.154	6.229.675.059	3.484.656.798	25.112.840.299
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(680.105.774)	-	-	-	(680.105.774)
Thanh lý	-	-	(2.942.633.978)	-	(2.942.633.978)
Xóa sổ	(165.000.000)	(9.000.000)	-	(225.758.656)	(399.758.656)
Số dư cuối kỳ	31.427.637.530	97.077.693.413	32.571.725.870	33.080.503.314	194.157.560.127
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	90.192.756.398	72.861.534.909	44.034.055.778	22.456.693.962	229.545.041.047
Số dư cuối kỳ	105.274.817.191	89.846.666.194	50.401.086.579	24.631.218.691	270.153.788.655

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 75.370 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 59.161 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	103.758.193.658	52.594.912.775	5.647.619.055	162.000.725.488
Tăng trong kỳ	2.162.842.000	7.519.442.000	-	9.682.284.000
Số dư cuối kỳ	105.921.035.658	60.114.354.775	5.647.619.055	171.683.009.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	4.040.212.851	1.795.568.901	5.835.781.752
Khấu hao trong kỳ	-	570.275.731	488.202.208	1.058.477.939
Số dư cuối kỳ	-	4.610.488.582	2.283.771.109	6.894.259.691
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	103.758.193.658	48.554.699.924	3.852.050.154	156.164.943.736
Số dư cuối kỳ	105.921.035.658	55.503.866.193	3.363.847.946	164.788.749.797

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	44.815.334.044	7.632.452.186
Tăng trong kỳ	23.655.873.962	58.298.490.824
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.223.667.676)	(55.204.987.713)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.540.241.968)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(6.244.545)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(168.915.150)
Số dư cuối kỳ	21.247.540.330	8.010.553.634

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	7.790.891.262
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.399.298.667
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.190.189.929
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.974.590.901
Khấu hao trong kỳ	323.413.152
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	680.105.774
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.978.109.827
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.816.300.361
Số dư cuối kỳ	6.212.080.102
	<hr/>

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 613 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV DT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	3.000.000.000	3.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	2.550.000.000	2.550.000.000
▪ Công ty TNHH MTV A&G Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TOT Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV TG Pharma	5.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	5.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	14.099.874.545	-
	<hr/>	<hr/>
	69.649.874.545	50.550.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	3.787.450.000	3.787.450.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	23.787.450.000	23.787.450.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	-	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	<hr/>	<hr/>
	11.831.050.200	11.901.050.200

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	21.013.881.450	17.201.479.225
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(6.053.088.865)
Số dư cuối kỳ	21.013.881.450	11.148.390.360

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/6/2012	31/12/2011
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/6/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tên	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/6/2012	31/12/2011
Công ty TNHH MTV Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hào	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Chi phí đất trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ Phân bổ trong kỳ	1.798.393.813 (330.221.956)	18.599.855.707 (249.263.782)	20.398.249.520 (579.485.738)
Số dư cuối kỳ	1.468.171.857	18.350.591.925	19.818.763.782

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Vay ngắn hạn

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Khoản vay từ nhân viên của Công ty	16.310.749.238	21.115.601.324

Các khoản vay này không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng trong khoảng từ 1,0% đến 1,15% cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: từ 1,10% đến 1,15% một tháng).

14. Phải trả thương mại

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả các công ty con	21.089.668.094	24.655.680.303
Phải trả các công ty liên kết	1.980.000.000	2.024.000.000
Phải trả các bên thứ ba	103.612.045.428	105.117.096.066
	126.681.713.522	131.796.776.369

Các khoản phải trả không có đảm bảo, không chịu lãi và được trả khi có yêu cầu.

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.046.579.824	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.480.893.798	15.023.688.298
Các loại thuế khác	1.191.720.563	190.950.486
	23.719.194.185	15.214.638.784

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Chi phí phải trả

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	59.746.744.683	98.396.878.201
Chi phí khuyến mại	48.912.751.456	43.514.942.486
Chi phí hội thảo	887.070.001	1.863.306.378
Chi phí quảng cáo	4.735.156.099	35.256.582
Lãi vay phải trả	459.993.535	393.485.351
Các chi phí phải trả khác	10.554.121.262	7.513.279.094
	<hr/>	<hr/>
	125.295.837.036	151.717.148.092
	<hr/>	<hr/>

17. Các khoản phải trả khác

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phí công đoàn	1.617.021.098	745.260.734
Bảo hiểm y tế	1.080.410.018	498.567.101
Cổ tức phải trả	65.182.049.000	15.750.000
Hoa hồng phải trả	25.481.608.710	10.541.130.161
Phải trả khác	6.187.152.659	3.647.988.528
	<hr/>	<hr/>
	99.548.241.485	15.448.696.524
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	35.148.731.141	2.164.796.237	37.313.527.378
Phân bổ cho quỹ	34.648.908.632	6.729.736.633	41.378.645.265
Sử dụng quỹ	(8.723.502.655)	(4.177.269.314)	(12.900.771.969)
Số dư cuối kỳ	61.074.137.118	4.717.263.556	65.791.400.674

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	33.464.925.600
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(623.162.068)
Số dư cuối kỳ	32.841.763.532

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	24.405.312.797
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.152.683.233)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	23.252.629.564
	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	187.595.334.349	59.884.587.817	319.917.178.729	1.214.832.263.719
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	215.081.111.882	215.081.111.882
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	73.734.373.880	-	(73.734.373.880)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(195.500.390.400)	(195.500.390.400)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.375.186.813)	(41.375.186.813)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(9.307.227.636)	(9.307.227.636)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	271.629.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	261.329.708.229	59.884.587.817	215.081.111.882	1.186.230.570.752
Phát hành cổ phiếu	380.134.670.000	(378.761.392.824)	-	(1.373.277.176)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	186.434.079.792	186.434.079.792
Cổ tức (thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(65.164.805.600)	(65.164.805.600)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	21.503.560.959	6.141.991.054	(27.645.552.013)	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	651.764.290.000	-	(455.850.000)	281.459.992.012	66.026.578.871	308.704.834.061	1.307.499.844.944
Phát hành cổ phiếu	2.000.000.000	-	-	-	-	-	2.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	283.765.028.875	283.765.028.875
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	202.159.889.796	-	(202.159.889.796)	-
Cổ tức (thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(65.166.299.000)	(65.166.299.000)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(34.648.908.632)	(34.648.908.632)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(6.729.736.633)	(6.729.736.633)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2012	653.764.290.000	-	(455.850.000)	483.619.881.808	66.026.578.871	283.765.028.875	1.486.719.929.554

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.376.429	653.764.290.000	65.176.429	651.764.290.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.366.299	653.308.440.000	65.166.299	651.308.440.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	1/1/2012 đến 30/6/2012		1/1/2011 đến 30/6/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	200.000	2.000.000.000	250.000	2.500.000.000
Số dư cuối kỳ	65.366.299	653.308.440.000	27.152.832	271.173.770.000

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****23. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	1.127.313.674.680	1.032.813.863.398
▪ Hàng hóa đã bán	32.269.188.479	41.753.238.934
▪ Hàng khuyến mại	41.999.185.139	31.033.530.914
	<hr/>	<hr/>
	1.201.582.048.298	1.105.600.633.246
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.596.678.404)	(6.100.427.161)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.196.985.369.894	1.099.500.206.085
Trong đó:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.122.716.996.276	1.026.730.612.333
▪ Hàng hóa đã bán	32.269.188.479	41.736.062.838
▪ Hàng khuyến mại	41.999.185.139	31.033.530.914
	<hr/>	<hr/>
	1.196.985.369.894	1.099.500.206.085

24. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thành phẩm đã bán	616.000.716.284	540.666.219.938
Hàng hóa đã bán	29.953.161.167	38.591.747.862
Hàng khuyến mãi	38.868.082.219	30.760.422.785
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.425.457.585	1.508.912.551
	<hr/>	<hr/>
	686.247.417.255	611.527.303.136

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	15.444.868.896	21.418.236.373
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	20.000.000	6.053.088.865
Cổ tức	64.241.081.267	28.482.342.038
Lãi chênh lệch tỷ giá	627.767.270	2.395.296.619
Doanh thu tài chính khác	432.679.389	-
	<hr/>	<hr/>
	80.766.396.822	58.348.963.895

26. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	1.626.605.104	887.149.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.122.976.894	2.091.638.117
Chi phí tài chính khác	66.806.447	65.190.748
	<hr/>	<hr/>
	2.816.388.445	3.043.978.745

27. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	310.331.356	306.218.646
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.721.217.148	990.863.634
Thu nhập khác	2.546.876.890	1.498.719.119
	<hr/>	<hr/>
	4.578.425.394	2.795.801.399

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Chi phí khác

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	1.108.274.711	734.254.637
Chi phí khác	1.466.442.996	1.889.412.329
	<u>2.574.717.707</u>	<u>2.623.666.966</u>

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản dự phòng	3.300.000.000	3.300.000.000

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.299.365.575	24.493.889.596

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	315.064.394.450	239.575.001.478
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	78.766.098.613	59.893.750.370
Chi phí không được khấu trừ thuế	444.956.705	422.338.575
Thu nhập không chịu thuế	(16.060.270.317)	(7.120.585.510)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(31.851.419.426)	(28.701.613.839)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>31.299.365.575</u>	<u>24.493.889.596</u>

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2014 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2013.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	283.765.028.875	215.081.111.882

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	65.166.299	26.902.832
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 năm 2011	-	125.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành tháng 8 năm 2011	-	38.013.467
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 5 năm 2012	42.222	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	65.208.521	65.041.299

31. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty ngày 26 tháng 4 năm 2012 quyết định chia cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt là 130.331 triệu VND. Cổ tức chia bằng tiền mặt bao gồm cổ tức giữa niên độ là 65.165 triệu VND (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 17 tháng 11 năm 2011) và cổ tức cuối năm là 65.166 triệu VND (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 8 tháng 6 năm 2012).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh toán
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn	(ii)	439.783.311.549	327.854.222.312
Phải thu thương mại và phải thu khác	(iii)	410.029.794.570	377.418.548.206
		<hr/>	<hr/>
		849.813.106.119	705.272.770.518

(ii) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Số dư của các khoản phải thu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản phải thu tối đa khách hàng có thể có mà không cần sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc. Hạn mức tín dụng này được xem xét lại từng năm. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm. Công ty không nhận tài sản thế chấp từ khách hàng.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Công ty tin rằng, ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu:

	Gộp 30/6/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2012 VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012		
Trong hạn	386.994.988.636	-
Quá hạn 0 – 30 ngày	10.050.927.477	-
Quá hạn 31 – 180 ngày	11.783.656.271	-
Quá hạn 181 – 365 ngày	1.037.667.490	(311.300.247)
Quá hạn trên 365 ngày	1.725.798.771	(1.251.943.828)
	411.593.038.645	(1.563.244.075)
	Gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011		
Trong hạn	240.946.093.065	-
Quá hạn 0 – 30 ngày	78.675.959.972	-
Quá hạn 31 – 180 ngày	56.210.237.131	-
Quá hạn 181 – 365 ngày	2.415.116.355	(1.092.173.210)
Quá hạn trên 365 ngày	734.385.758	(471.070.865)
	378.981.792.281	(1.563.244.075)

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012			
Vay ngắn hạn	16.310.749.238	16.816.382.465	16.816.382.465
Phải trả thương mại	126.681.713.522	126.681.713.522	126.681.713.522
Phải trả người lao động	95.784.996.491	95.784.996.491	95.784.996.491
Chi phí phải trả	125.295.837.036	125.295.837.036	125.295.837.036
Các khoản phải trả khác	99.548.241.485	99.548.241.485	99.548.241.485
	463.621.537.772	464.127.170.999	464.127.170.999
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	21.115.601.324	21.830.148.358	21.830.148.358
Phải trả thương mại	131.796.776.369	131.796.776.369	131.796.776.369
Phải trả người lao động	102.490.566.716	102.490.566.716	102.490.566.716
Chi phí phải trả	151.717.148.092	151.717.148.092	151.717.148.092
Các khoản phải trả khác	15.448.696.524	15.448.696.524	15.448.696.524
	422.568.789.025	423.283.336.059	423.283.336.059

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty chịu rủi ro ngoại hối đối với các giao dịch bán, mua bằng đơn vị tiền tệ khác VND, chủ yếu là USD và EUR.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) thuần bằng ngoại tệ như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	276.006	195.414	271.766	182.918
Phải thu khách hàng	132.643	-	91.257	-
Phải trả người bán	(3.488.687)	(137.675)	(3.336.160)	(87.659)
	(3.080.038)	57.739	(2.973.137)	95.259

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2012	31/12/2011
USD 1	20.920	21.036
EUR 1	26.397	27.670

Sự suy yếu 1% của VND đối với USD và EUR vào thời điểm cuối kỳ (2011: VND suy yếu 10% và 2% so với USD và EUR) có thể ảnh hưởng đến khoản lợi nhuận thuần như được trình bày dưới đây. Việc đánh giá này giả sử tất cả các tham biến khác, cụ thể lãi suất, không thay đổi.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
USD – giảm lợi nhuận thuần	(483.257.962)	(4.690.718.245)
EUR – tăng lợi nhuận thuần	11.431.023	39.537.248
	(471.826.939)	(4.651.180.997)

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định:		
Các khoản tương đương tiền	343.874.165.743	113.664.355.715
Vay ngắn hạn	(16.310.749.238)	(21.115.601.324)
	<hr/>	<hr/>
	327.563.416.505	92.548.754.391
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi:		
Tiền gửi ngân hàng	92.274.868.110	210.488.738.232
	<hr/>	<hr/>

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi khiến Công ty chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Việc thay đổi 100 điểm lãi suất cơ bản không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty có quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty con và các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên kết:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG		
Mua nguyên vật liệu	91.249.695.938	83.720.842.397
Bán nguyên vật liệu	4.652.959.090	17.560.748.215
Dịch vụ điện	707.591.981	699.632.742
Thu nhập cổ tức	27.666.841.486	14.694.925.708
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG		
Mua dịch vụ	13.858.459.994	6.662.151.547
Thu nhập cho thuê	820.454.547	-
Thu nhập cổ tức	5.863.516.876	2.113.673.581
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM		
Bán thành phẩm	16.286.248.434	15.032.349.820
Thu nhập cổ tức	1.496.637.902	852.701.981
Công ty TNHH MTV DT Pharma		
Bán hàng hóa và thành phẩm	23.811.567.511	14.634.350.882
Thu nhập cổ tức	2.397.964.464	472.389.234
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT		
Bán hàng hóa và thành phẩm	22.210.972.718	17.362.926.747
Thu nhập cổ tức	3.031.643.370	870.037.825
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST		
Bán thành phẩm	17.798.271.770	16.347.625.401
Thu nhập cổ tức	2.097.882.397	773.708.153

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG		
Mua nguyên vật liệu	19.202.810.393	14.117.620.134
Bán thành phẩm	853.131.001	102.070.000
Bán hàng hóa	-	1.060.409.461
Phí dịch vụ gia công	2.549.768.851	2.139.973.082
Bán dịch vụ	226.441.677	406.813.286
Thu nhập cổ tức	2.820.347.739	2.781.901.318
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu		
Bán thành phẩm và hàng hóa	37.119.696.030	32.973.367.886
Bán hàng khuyến mại	641.854.689	638.003.004
Thu nhập cổ tức	765.000.000	765.000.000
Công ty TNHH MTV A&G Pharma		
Bán thành phẩm	43.594.490.304	40.535.918.954
Bán hàng khuyến mại	1.077.882.671	877.674.024
Thu nhập cổ tức	4.494.959.450	2.985.090.523
Công ty TNHH MTV TOT Pharma		
Mua hàng hóa	1.912.954.755	5.731.100.659
Bán hàng hóa	40.500	916.681.739
Bán thành phẩm	65.414.996.868	25.947.809.650
Bán hàng khuyến mại	964.949.693	527.697.906
Thu nhập cổ tức	10.245.934.008	1.418.992.133
Công ty TNHH MTV TG Pharma		
Bán thành phẩm	15.053.002.284	16.406.329.294
Thu nhập cổ tức	1.638.017.936	418.626.282
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali		
Bán thành phẩm	16.637.849.433	-
Thu nhập cổ tức	875.503.284	-
Góp vốn	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG		
Góp vốn	14.099.874.545	-
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	-	410.535.500
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo		
Mua nguyên vật liệu	6.270.000.000	5.395.000.000
Cổ tức	564.450.000	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lương	1.295.849.885	1.530.700.123
Thù lao	1.915.000.000	1.236.000.000
Tiền thưởng	384.636.786	540.685.835

34. Cam kết mua sắm tài sản


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	701.653.381.000	698.955.443.787
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.560.260.572	17.697.277.500
	727.213.641.572	716.652.721.287


35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	561.483.864.998	516.473.188.332
Chi phí nhân công	244.585.659.103	230.530.226.835
Chi phí khấu hao và phân bổ	27.074.217.128	21.020.288.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.434.120.596	137.594.707.359
Các chi phí khác	38.793.326.655	24.205.940.178

Người lập:


 Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 8 năm 2012

